TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2020.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần H. P, sinh năm 1988; (có mặt)

Thường trú: số 01/1 đường 622, tổ 3, ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị D. T, sinh năm: 1992. (vắng mặt)

Thường trú: ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 10/3/2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Hoài P trình bày:

Ông và bà T tìm hiểu nhau khoảng 04 năm thì tự nguyện cưới nhau năm 2010, có tổ chức cưới. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại nhà chồng được khoảng 01 năm thì bà T tự ý bỏ nhà đi, đi đâu không rõ, lúc đó hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay bà T bỏ đi đã lâu, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phong Vỹ H, sinh ngày: 13/5/2010. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Thúy cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Ông xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bà T đã mất tích theo Quyết định số: 501/2019/QĐST-VDS ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 207, 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoài P và bà Võ Thị Diễm T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2010, ngày 14/10/2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông P xin ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông P bà T đã đi đâu làm gì không rõ, đã mất tích từ đầu năm 2012 đến nay. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông P và bà T không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phong Vỹ H, sinh ngày: 13/5/2010. Xét yêu cầu của ông P là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Bà T đã mất tích, hiện trẻ H đang do ông P nuôi dưỡng do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là trẻ H cho ông Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P là không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc ông P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 207, 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Hoài Phong.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoài P được ly hôn với bà Võ Thị Diễm T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2010, ngày 14/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông P và bà T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Phong Vỹ H, sinh ngày: 13/5/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P là không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc ông Trần Hoài P phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0083776 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông Phong đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hùng Vương